

Phụ lục 1

BỘ Y TẾ
ĐẠI HỌC Y DƯỢC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH MỤC NGÀNH ĐÚNG, NGÀNH PHÙ HỢP
VÀ HỌC PHẦN BỔ SUNG KIẾN THỨC CỦA CÁC NGÀNH DỰ TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

TT	Ngành / Chuyên ngành đăng ký tuyển	Tên ngành đại học đúng (không học bổ sung kiến thức)	Ngành phù hợp (Học bổ sung kiến thức trước khi nộp hồ sơ dự thi)	
			Tên ngành đại học	Học phần học bổ sung, số tín chỉ
1.	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới - Lao - Truyền nhiễm	Y khoa (772010)		
2.	Khoa học y sinh			
	- Giải phẫu bệnh	Y khoa (772010)		
	- Giải phẫu học	Y khoa (772010) Y học cổ truyền (7720115) Y học dự phòng (7720110) Răng - Hàm - Mặt (7720501)		
	- Hóa sinh y học	Y khoa (772010) Y học cổ truyền (7720115) Y học dự phòng (7720110) Răng - Hàm - Mặt (7720501)	- Đại học khối ngành sức khỏe khác (772) - Khoa học sự sống (742) - Kỹ thuật y sinh (7520212) - Công nghệ thực phẩm (7540101)	Module 1: Từ tế bào đến cơ quan (3 tín chỉ) Module 2: Từ cơ quan đến hệ thống (3 tín chỉ) Module 3: Miễn dịch – Đề kháng – Ký chủ (3 tín chỉ)
	- Ký sinh trùng y học	Y khoa (772010) Y học cổ truyền (7720115) Y học dự phòng (7720110) Răng - Hàm - Mặt (7720501)	- Khoa học sự sống (742) - Kỹ thuật y sinh (7520212)	Module 1: Từ tế bào đến cơ quan (3 tín chỉ) Module 2: Từ cơ quan đến hệ thống (3 tín chỉ) Module 3: Miễn dịch – Đề kháng – Ký chủ (3 tín chỉ)
- Mô phôi – Di truyền học	Y khoa (772010) Y học cổ truyền (7720115) Y học dự phòng (7720110) Răng - Hàm - Mặt (7720501)	- Khoa học sự sống (742) - Kỹ thuật y sinh (7520212)	Module 1: Từ tế bào đến cơ quan (3 tín chỉ) Module 2: Từ cơ quan đến hệ thống (3 tín chỉ) Module 3: Miễn dịch – Đề kháng – Ký chủ (3 tín chỉ)	

hao



Phụ lục 1

TT	Ngành / Chuyên ngành đăng ký tuyển	Tên ngành đại học đúng (không học bổ sung kiến thức)	Ngành phù hợp (Học bổ sung kiến thức trước khi nộp hồ sơ dự thi)	
			Tên ngành đại học	Học phần học bổ sung, số tín chỉ
	- Sinh lý học	Y khoa (772010) Y học cổ truyền (7720115) Y học dự phòng (7720110) Răng - Hàm - Mặt (7720501)	- Khoa học sự sống (742) - Kỹ thuật y sinh (7520212)	Module 1: Từ tế bào đến cơ quan (3 tín chỉ) Module 2: Từ cơ quan đến hệ thống (3 tín chỉ) Module 3: Miễn dịch – Đề kháng – Ký chủ (3 tín chỉ)
	- Sinh lý bệnh – Miễn dịch học	Y khoa (772010) Y học cổ truyền (7720115) Y học dự phòng (7720110) Răng - Hàm - Mặt (7720501)	- Khoa học sự sống (742) - Kỹ thuật y sinh (7520212)	Module 1: Từ tế bào đến cơ quan (3 tín chỉ) Module 2: Từ cơ quan đến hệ thống (3 tín chỉ) Module 3: Miễn dịch – Đề kháng – Ký chủ (3 tín chỉ)
	- Vi sinh y học	Y khoa (772010) Y học cổ truyền (7720115) Y học dự phòng (7720110) Răng - Hàm - Mặt (7720501)	- Khoa học sự sống (742) - Kỹ thuật y sinh (7520212)	Module 1: Từ tế bào đến cơ quan (3 tín chỉ) Module 2: Từ cơ quan đến hệ thống (3 tín chỉ) Module 3: Miễn dịch – Đề kháng – Ký chủ (3 tín chỉ)
3.	Điện quang và y học hạt nhân	Y khoa (772010)		
4.	Gây mê hồi sức	Y khoa (772010)		
5.	Ngoại khoa: - Ngoại tổng quát - Chấn thương chỉnh hình - Ngoại – Lồng ngực - Ngoại – Nhi - Ngoại – Tiết niệu - Ngoại – Thần kinh và sọ não	Y khoa (772010)		
6.	Nhãn khoa	Y khoa (772010)		
7.	Nhi khoa	Y khoa (772010)		
8.	Nội khoa: - Nội tổng quát - Da liễu - Huyết học và truyền máu - Lão khoa - Nội tiết - Phục hồi chức năng - Tâm thần - Thần kinh	Y khoa (772010)		
9.	Sản phụ khoa	Y khoa (772010)		

hao

Phụ lục 1

TT	Ngành / Chuyên ngành đăng ký tuyển	Tên ngành đại học đúng (không học bổ sung kiến thức)	Ngành phù hợp (Học bổ sung kiến thức trước khi nộp hồ sơ dự thi)	
			Tên ngành đại học	Học phần học bổ sung, số tín chỉ
10.	Tai - Mũi - Họng	Y khoa (772010)		
11.	Ung thư	Y khoa (772010)		
12.	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc	Dược học (7720201)		
13.	Dược liệu - Dược học cổ truyền	Dược học (7720201)		
14.	Dược lý và dược lâm sàng	Dược học (7720201)		
15.	Kiểm nghiệm thuốc và độc chất	Dược học (7720201)		
16.	Tổ chức quản lý dược	Dược học (7720201)		
17.	Răng - Hàm - Mặt	Răng – Hàm - Mặt (7720501)		
18.	Y học cổ truyền	Y học cổ truyền (7720115)	- Y khoa (772010) - Y học dự phòng (7720110)	- Nếu trong chương trình đại học có 1 học phần YHCT: học bổ sung Module YHCT 1 : Y học cổ truyền (2 tín chỉ). - Nếu trong chương trình đại học không có học phần YHCT: học bổ sung Module YHCT 2 : Y học cổ truyền (4 tín chỉ).
19.	Y học dự phòng	Y học dự phòng (7720110)		
20.	Y tế công cộng	Khối ngành sức khỏe (772)	Cử nhân đại học	Hoàn thành khóa học gồm 04 học phần bổ sung kiến thức trước khi nộp hồ sơ dự thi: 1) Nhập môn Y tế công cộng; 2) Tổ chức – Quản lý y tế; 3) Sinh lý – Giải phẫu học; 4) Tâm lý học y học
21.	Điều dưỡng	Điều dưỡng (7720301) Hộ sinh (7720302)		
22.	Kỹ thuật phục hồi chức năng	Kỹ thuật phục hồi chức năng (7720603) Vật lý trị liệu Phục hồi chức năng		
23.	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật xét nghiệm y học (7720601)	- Khối ngành sức khỏe (772) - Công nghệ sinh học (7420201) - Sinh học (7420101)	Học bổ sung chứng chỉ: • Kỹ thuật y học chuyên ngành xét nghiệm. • Hoặc có chứng chỉ hành nghề Chuyên khoa /KTV xét nghiệm

hac

Phụ lục 1

TT	Ngành / Chuyên ngành đăng ký tuyển	Tên ngành đại học đúng (không học bổ sung kiến thức)	Ngành phù hợp (Học bổ sung kiến thức trước khi nộp hồ sơ dự thi)	
			Tên ngành đại học	Học phần học bổ sung, số tín chỉ
24.	Dinh dưỡng	Dinh dưỡng (7720401)	<ul style="list-style-type: none"> - Y học (77201) - Điều dưỡng - hộ sinh (77203) - Y tế công cộng (77207) - Kỹ thuật y học (77206) - Dược học (7720201) - Răng - Hàm - Mặt (77205) - Công nghệ thực phẩm (7540101) 	Học bổ sung chứng chỉ Dinh dưỡng (thời gian đào tạo chứng chỉ ít nhất 03 tháng và có thời hạn trong vòng 02 năm tính đến thời điểm đăng ký dự thi)
25.	Y học gia đình	Y khoa (7720101)	<ul style="list-style-type: none"> - Y học dự phòng (7720110) 	Học bổ sung chứng chỉ: <ul style="list-style-type: none"> • Y học gia đình (thời gian đào tạo chứng chỉ ít 03 tháng và có thời hạn trong vòng 02 năm tính đến thời điểm đăng ký dự thi) • Hoặc Bồi dưỡng Sau đại học về Y học gia đình

Án định danh sách có 25 (hai mươi lăm) ngành tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ.

hao

